

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thuận Nhi

Bà Đặng Thị Liễu

Ông Đoàn Ngọc Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Quốc Huy – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Cái Thành L; tên gọi khác: không; sinh ngày: 19/3/1995 tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cái Văn H (sinh năm 1969) và bà Võ Thị Bích T (sinh năm 1974); có vợ là Đặng Thị Hà M (sinh năm 1994), 01 con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo** Cái Thành L: Bà Nguyễn Thị Thu S – Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ (Địa chỉ: G H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng).

*** Bị hại:** Bà Lê Thị Bích P; sinh năm 1986; địa chỉ: K H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Thế B, sinh năm 1988; địa chỉ: B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Lê Tấn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: C T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông Cao Lê Quang P1, sinh năm 1980; địa chỉ: K Ông Í, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, do làm ăn thua lỗ Cái Thành L gặp bà Lê Thị Bích P để vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), L đã nói với bà P là đang đứng tên chủ sở hữu một thửa đất và sử dụng thửa đất này để giao dịch với bà P. Để phù hợp với thông tin đưa ra L nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bằng cách truy cập vào “Google” tìm kiếm với nội dung “Làm giả sổ đỏ nhanh” rồi chọn một trong các trang có kết quả tìm kiếm được, L đã liên lạc với một người thanh niên nói giọng nam (không biết nhân thân, lai lịch) để đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai bên đồng ý và kết bạn qua Zalo để trao đổi, L cung cấp thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 589495, thửa đất số 295, tờ bản đồ số 39, diện tích 466m² đất ở tại phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng với giá 7.000.000 đồng, bản thân L là người môi giới bất động sản nên L biết thông tin thực tế về thửa đất trên. Khoảng 03 ngày sau khi L đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đã thông báo cho L và yêu cầu L vào thành phố Hồ Chí Minh để nhận, L vào thành phố Hồ Chí Minh để nhận theo như thoả thuận. Sau đó, L phát hiện bên làm giả làm sai tên, năm sinh của L từ Cái T, sinh năm 1995 thành Cai Thanh L1, sinh năm 1989, nhưng số CMND (215310563) do L1 cung cấp thì bên làm giả vẫn làm đúng, đối với địa chỉ nơi ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả (phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định) vì trước đó L1 đã cố tình cung cấp sai thông tin nơi ở thật và bên làm giả đã làm đúng với yêu cầu này. Mặc dù, tên và năm sinh sai nhưng L1 vẫn đồng ý nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, L1 đến gặp bà P đưa cho bà P xem, P tin tưởng đây là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên hai bên đi đến thỏa thuận việc mua bán thửa đất số 295, tờ bản đồ số 39, diện tích 466m² đất ở tại phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng với giá 10 tỷ và viết giấy nhận cọc 1.000.000.000 đồng, hẹn đến ngày công chứng (một tháng) hai bên sẽ ra phòng công chứng chuyển nhượng thửa đất thì bà P sẽ giao đủ số tiền còn lại là 09 tỷ đồng. Trường hợp L1 có tiền trả lại thì sẽ trả tiền gốc kèm theo lãi suất là 03%/tháng và hủy giấy nhận tiền cọc. Đến ngày 01/7/2019 (chưa đến hạn một tháng), L1 tiếp tục yêu cầu bà P cọc thêm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và được chị P đồng ý, L1 nhận số tiền mặt 200.000.000 đồng và ghi biên nhận khoản tiền này vào giấy cọc trước đó. Cho đến ngày hạn ra công chứng, L1 đã không có khả năng trả lại tiền, bà P tìm hiểu biết giấy chứng nhận trên là giả, nên liên lạc yêu cầu L1 trả lại tiền. Số tiền nhận được từ bà P, L1 sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Tổng số tiền L1 chiếm đoạt của chị P là 1.200.000.000 đồng, đã trả lại cho bà P nhiều lần với số tiền là 322.000.000 đồng.

*** Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu:**

- 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 589495 mang tên Cai Thanh L1.
- 01 giấy đặt cọc mua bán đất.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

Phòng K Công an thành phố Đ ban hành kết luận giám định số: 580/KL-KTHS, ngày 19/07/2024 xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất" mang tên Cai Thanh L1, ký hiệu: CH 589495, thông tin thửa đất số: 295, tờ bản đồ số: 39, địa chỉ: Tổ A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, ghi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 28/02/2017 (do L1 giao cho chị P) là giả.

* Ngày 21/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ có công văn số: 1209/CSĐT-HS yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận S, thành phố Đà Nẵng cung cấp thông tin chủ sở hữu thửa đất số: 295.

Ngày 19/04/2024, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ có công văn phúc đáp số: 1073/VPĐKĐĐ-TTLT, xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu: CH 589495, thông tin thửa đất số: 295, tờ bản đồ số: 39, địa chỉ: Tổ A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, ghi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 28/02/2017 được cấp cho bà Phạm Thu H1, sinh năm: 1994, CMND: 013260983, địa chỉ: phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Thửa đất trên không đứng tên ông Cái Thành L.

Với nội dung nêu trên, tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-P2 ngày 04/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Cái Thành L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

****Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Cái Thành L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Cái Thành L mức án từ 12 đến 13 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Cái Thành L mức án từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lâm chấp H2 hình phạt chung cho hai tội.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Cái Thành Lâm bồi thường số tiền còn lại đã chiếm đoạt cho bị hại Lê Thị Bích P.

Luật sư Nguyễn Thị Thu S bào chữa cho bị cáo Cái Thành L thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 332.000.000 đồng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính, nuôi cha mẹ già, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Cái Thành L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng và khắc phục hậu quả cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Cái Thành L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 6/2019, bị cáo Cái Thành L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Lê Thị Bích P nên đã đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Cai Thanh L1, ký hiệu: CH 589495, thông tin thửa đất số: 295, tờ bản đồ số: 39, địa chỉ: Tổ A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2017 nhằm mục đích sử dụng để tạo niềm tin cho bà P bằng cách đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân sở hữu thửa đất trên, rồi L1 thực hiện thỏa thuận mua bán. Ngày 25/6/2019, bị cáo nhận tiền cọc của bà P 1.000.000.000 đồng và ngày 01/7/2019, bị cáo nhận thêm 200.000.000 đồng, rồi chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng là truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng cũng xác định truy tố bị cáo cả 02 hành vi: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức chung trong 01 tội danh là Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị 01 hình phạt là từ 03 đến 04 năm tù. Hội đồng xét xử thấy Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định 02 tội ghép chung trong 01 điều luật là tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, chứ không phải là 02 hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng 01 tội danh. Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo đối với cả 2 hành vi: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng 01 tội danh và đề nghị 01 mức hình phạt như trên là không có căn cứ, không đúng theo tinh thần của điều luật (Điều 341 Bộ luật Hình sự). Mặt khác, xét thấy hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo là hành vi gian dối đã là yếu tố, là điều kiện cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và trong vụ án này bị cáo đã bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, nên không thể xem xét xử lý bị cáo thêm về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ

chức”. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo về 02 tội là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] *Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy*: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo đã làm giả giấy tờ và đã gian dối dùng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại 02 lần, với tổng số tiền chiếm đoạt là 1.200.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho bị hại bà Lê Thị Bích P làm tin, thực hiện chiếm đoạt tiền của bị hại 02 lần. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 332.000.000 đồng/1.200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tình tiết giảm nhẹ như Luật sư cho rằng bị cáo là lao động chính và nuôi cha mẹ già. Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã ly hôn vợ, con bị cáo do vợ đang trực tiếp nuôi; cha bị cáo là ông Cái Văn H sinh năm 1969 và mẹ bị cáo bà Võ Thị Bích T sinh năm 1974, không phải là người già, bị cáo không phải là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng.

[6] *Về mức hình phạt*: Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mức án Viện kiểm sát đề nghị từ 12 đến 13 năm tù là có phần nghiêm khắc. Xét nhân thân bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ như nhận định trên, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề, nhẹ hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Bà Lê Thị Bích P xác nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 322.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo Cái Thành L bồi thường số tiền còn lại là 878.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 584 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Cái Thành L phải tiếp tục bồi thường số tiền 878.000.000 đồng cho bà Lê Thị Bích P.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng do bà Đặng Thị Hà M1 đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại, cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án. Hiện Kho bạc Nhà nước đang quản lý theo giấy nộp tiền mặt ngày 20/01/2025.

[8] *Những vấn đề khác liên quan đến vụ án*:

- Đối với đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, L không biết nhân thân, lai lịch người này, số điện thoại dùng liên lạc Zalo Lâm đã không còn sử dụng, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đủ cơ sở để xử lý là có căn cứ.

- Đối với số tiền 1.200.000.000 đồng Cái Thành L nhận được từ chị P bằng tiền mặt, L khai dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, thời gian năm 2019 quá lâu không nhớ trả cho ai, ở đâu, hiện nay không xác định được nguồn tiền như thế nào, không có căn cứ để xác định nguồn tiền L đã sử dụng, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Cái Thành L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chưa bồi thường cho bị hại 868.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 68.000.000 đồng) = 38.040.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo Cái Thành L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Cái Thành L 11 (mười một) năm tù.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Cái Thành Lâm 03 (ba) năm tù.

1.3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Cái Thành L phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/10/2024.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Cái Thành L phải tiếp tục bồi thường dân sự cho bà Lê Thị Bích P 878.000.000 đồng (*tám trăm bảy mươi tám triệu đồng*).

Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) do bà Đặng Thị Hà M1 đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị hại. Hiện Kho bạc Nhà nước đang quản lý theo giấy nộp tiền mặt ngày 20/01/2025.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Cái Thành L phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 38.040.000 đồng (*ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- CQ THAHS CATP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thuý Năng

